

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày: 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,033,259,899,264</b>	<b>1,317,061,126,495</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>73,181,919,878</b>	<b>25,901,681,098</b>
1. Tiền	111		73,181,919,878	25,901,681,098
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>530,600,000,000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	530,600,000,000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>420,616,358,516</b>	<b>383,435,171,495</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	394,585,587,866	430,413,531,906
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7,066,916,331	8,472,312,504
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2,651,214,938	9,336,378,107
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	58,331,391,576	24,380,344,061
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(42,018,752,195)	(89,167,395,085)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>971,733,101,047</b>	<b>873,818,902,160</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	985,043,430,782	887,129,231,895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(13,310,329,735)	(13,310,329,735)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37,128,519,823</b>	<b>33,905,371,742</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5,882,587,550	9,845,717,318
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31,245,932,273	24,059,654,624
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,146,749,698,178</b>	<b>1,385,253,645,302</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4,572,202,058</b>	<b>252,862,460,778</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	246,750,000,000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		58,000,000	26,000,000
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4,514,202,058	7,175,460,778
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	(1,089,000,000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>557,314,436,531</b>	<b>518,591,662,283</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	215,395,416,985	197,284,981,385
- Nguyên giá	222		1,071,061,465,958	986,815,165,173
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(855,666,048,973)	(789,530,183,788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	44,067,048,712	78,041,134,502
- Nguyên giá	225		61,524,816,469	108,366,446,670
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(17,457,767,757)	(30,325,312,168)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	297,851,970,834	243,265,546,396
- Nguyên giá	228		307,057,868,452	250,503,910,452
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9,205,897,618)	(7,238,364,056)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17,065,849,190</b>	<b>66,176,144,368</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	17,065,849,190	66,176,144,368
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>503,154,686,526</b>	<b>477,905,690,150</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,850,968,010	2,041,276,183
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	155,304,000,000	166,304,000,000

4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2c	(8,300,281,484)	(18,739,586,033)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	354,300,000,000	328,300,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>64,642,523,873</b>	<b>69,717,687,723</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	64,147,523,873	69,182,937,723
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	495,000,000	534,750,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3,180,009,597,442</b>	<b>2,702,314,771,797</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,628,630,331,189</b>	<b>1,308,352,616,500</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,613,879,093,107</b>	<b>1,232,274,555,975</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	106,549,128,863	99,773,110,619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	50,803,043,737	16,163,545,710
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	40,627,146,113	24,178,765,781
4. Phải trả người lao động	314	V.18	26,863,097,248	49,981,226,561
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	13,719,365,264	7,375,465,170
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		65,304,122	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	11,538,593,903	8,979,495,672
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,363,141,434,552	1,025,231,967,157
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	571,979,305	590,979,305
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14,751,238,082</b>	<b>76,078,060,525</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	14,751,238,082	76,078,060,525
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,551,379,266,253</b>	<b>1,393,962,155,297</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,551,379,266,253</b>	<b>1,393,962,155,297</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1,250,446,250,000	1,250,446,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,250,446,250,000	1,250,446,250,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,519,209,100	21,519,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.23	(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		306,831,437,001	153,314,011,705
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,434,161,705	153,314,011,705
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		303,397,275,296	
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	(3,899,685,660)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3,180,009,597,442</b>	<b>2,702,314,771,797</b>

Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hữu

Kế toán trưởng



Lê Tiên Dũng

An Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2018

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý III Năm 2018**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính : Đồng
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,053,380,730,613	740,407,586,642	2,747,222,246,329	2,111,781,440,268	
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,930,440,719	2,894,706,049	12,524,679,364	8,171,385,548	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3	1,051,450,289,894	737,512,880,593	2,734,697,566,965	2,103,610,054,720	
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	883,086,569,779	646,980,644,409	2,304,062,645,641	1,824,372,491,110	
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20	VI.4	168,363,720,115	90,532,236,184	430,634,921,324	279,237,563,610	
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	22,740,274,569	1,823,264,534	56,150,585,717	13,776,030,491	
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	20,723,559,469	12,622,360,601	53,417,976,320	51,579,825,444	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,338,280,607	12,407,783,877	33,630,821,908	45,079,644,061	
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	(190,308,173)	(3,575,164,657)	
9 Chi phí bán hàng	25	VI.6	30,272,116,567	30,828,566,066	110,591,452,117	96,562,381,259	
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8,153,959,943	3,743,989,335	(23,120,856,427)	13,088,547,000	
11 Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		131,954,358,705	45,160,584,716	345,706,626,858	128,207,675,741	
12 Thu nhập khác	31	VI.8	251,281,683	181,933,195	1,729,121,727	899,108,230	
13 Chi phí khác	32	VI.9	1,051,036,237	7,371,540,226	1,112,735,630	29,540,977,919	
14 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(799,754,554)	(7,189,607,031)	616,386,097	(28,641,869,689)	
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		131,154,604,151	37,970,977,685	346,323,012,955	99,565,806,052	
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	16,983,397,399	4,427,426,030	38,719,293,161	14,027,910,991	
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.14	-	-	39,750,000	(1,473,750,000)	
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		114,171,206,752	33,543,551,655	307,563,969,794	87,011,645,061	
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		114,171,206,752	33,194,113,172	303,397,275,296	85,715,129,098	
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	349,438,483	4,166,694,498	1,296,515,963	
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	916	460	2,432	1,188	
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		916	460	2,432	1,188	

An Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ông Giám đốc

*(Signature)*  
Nguyễn Trọng Hữu

*(Signature)*  
Lê Tiến Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



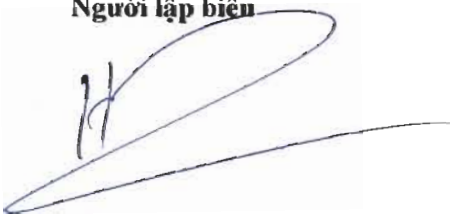
*(Signature)*  
Nguyễn Duy Nhất

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Quý III Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,809,367,099,021	2,421,366,235,988
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,674,292,854,607)	(726,219,080,910)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(217,493,524,650)	(200,082,299,902)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(27,990,638,227)	(42,654,299,719)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6,501,580,859)	(14,758,801,068)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		82,271,073,459	145,508,041,407
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(82,587,894,396)	(130,265,215,843)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>882,771,679,741</b>	<b>1,452,894,579,953</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(26,597,436,127)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		656,200,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(712,665,000,000)	(118,490,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		162,595,042,107	23,680,000,000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		259,064,200,641	58,810,000,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,803,404,750	4,814,676,800
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(308,143,588,629)</b>	<b>(31,185,323,200)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2,080,062,821,729	1,399,351,320,407
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,449,933,310,191)	(2,777,401,721,462)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(16,920,327,773)	(23,332,410,020)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(142,067,949,270)	(30,773,853,424)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(528,858,765,505)</b>	<b>(1,432,156,664,499)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>45,769,325,607</b>	<b>(10,447,407,746)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>25,901,681,098</b>	<b>21,796,050,462</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,510,913,173	3,865,773,361
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>73,181,919,878</b>	<b>15,214,416,077</b>

Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hữu

Kế toán trưởng



Lê Tiên Dũng

An Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2018

**Trưởng Giám đốc**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CP  
NAM VIỆT  
TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG  
*Nguyễn Duy Nhật*

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 28 tháng 06 năm 2018, Công ty Cổ phần Nam Việt đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp vào công ty TNHH Thủy sản Biển Đông.

#### 5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Chế biến và bảo quản rau quả.	44,4%	44,4%	44,4%	44,4%

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/- 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng công ty thường xuyên có giao dịch).

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 5. Các khoản đầu tư tài chính

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
Tài sản cố định khác	05 - 18

## 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

## 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

### **13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **16. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Tiền bản quyền***

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

## 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.722.336.050	6.624.030.200
Tiền gửi ngân hàng	70.459.583.828	19.277.650.898
<b>Cộng</b>	<b>73.181.919.878</b>	<b>25.901.681.098</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>530.600.000.000</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn	530.600.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>354.300.000.000</b>	<b>328.300.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	354.300.000.000	328.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>884.900.000.000</b>	<b>328.300.000.000</b>

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 672.100.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

##### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh <sup>(i)</sup>	12.000.000.000	(10.149.031.990)	1.850.968.010	12.000.000.000	(9.958.723.817)	2.041.276.183
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>(10.149.031.990)</b>	<b>1.850.968.010</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>(9.958.723.817)</b>	<b>2.041.276.183</b>

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần chuyển nhượng	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh	2.041.276.183	(190.308.173)	-	1.850.968.010
<b>Cộng</b>	<b>2.041.276.183</b>	<b>(190.308.173)</b>	<b>-</b>	<b>1.850.968.010</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

### *Giao dịch với các công ty liên kết*

Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty Rau quả Nông trại Xanh như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bán nguyên vật liệu	-	266.699
Bán thành phẩm bao bì	-	16.075.200
Lãi vay phải thu	-	275.937.752
Cho vay	-	100.000.000
Mua tài sản	12.941.476.838	-
Mua vật tư, công cụ dụng cụ	88.835.310	150.685.240

### **2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(8.300.281.484)	20.304.000.000	(7.739.586.033)
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	-	-	11.000.000.000	(11.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>155.304.000.000</b>	<b>(8.300.281.484)</b>	<b>166.304.000.000</b>	<b>(18.739.586.033)</b>

### *Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	<b>18.739.586.033</b>	<b>17.912.371.829</b>
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(10.439.304.549)	500.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.300.281.484</b>	<b>18.412.371.829</b>

### **3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**

#### **3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>86.755.808.154</b>	<b>88.158.582.608</b>
Triple T Corporation (USA)	-	47.174.431.572
Công ty TNHH TMDV Navifeed	86.755.808.154	40.984.151.036
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>307.829.779.712</b>	<b>342.254.949.298</b>
Các khách hàng nước ngoài	300.317.554.354	303.988.452.959
Các khách hàng trong nước	7.512.225.358	38.266.496.339
<b>Cộng</b>	<b>394.585.587.866</b>	<b>430.413.531.906</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	<b>600.000.000</b>
Công ty cổ phần rau quả nông trại xanh	-	600.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<b>7.066.916.331</b>	<b>7.872.312.504</b>
Các nhà cung cấp nước ngoài	260.744.350	28.734.475
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	1.962.551.877	1.762.958.333
Các nhà cung cấp trong nước khác	4.843.620.104	6.080.619.696
<b>Cộng</b>	<b><u>7.066.916.331</u></b>	<b><u>8.472.312.504</u></b>

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<b>1.258.440.038</b>	<b>7.940.378.107</b>
Cho Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh vay	1.258.440.038	7.940.378.107
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<b>1.392.774.900</b>	<b>1.396.000.000</b>
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay	877.774.900	896.000.000
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang vay (*)	500.000.000	500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.651.214.938</u></b>	<b><u>9.336.378.107</u></b>

(\*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và Tập đoàn đang trích lập dự phòng.

### 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>1.694.066.299</b>	-	<b>543.977.889</b>	<b>(132.871.914)</b>
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh - Phải thu tiền lãi	-	-	442.906.379	(132.871.914)
Công ty TNHH Đại Tây Dương – Phải thu tiền lãi	-	-	79.071.510	-
Công ty TNHH TMDV Navifeed Ông Đỗ Lập Nghiệp - Tạm ứng	1.644.066.299 50.000.000	- -	- 22.000.000	- -
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>56.637.325.277</b>	<b>(832.247.141)</b>	<b>23.836.366.172</b>	<b>(815.052.141)</b>
Tạm ứng	16.758.877.941	-	10.069.452.926	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	34.354.028.194	-	4.593.320.833	-
Tiền lãi cho vay	476.479.546	(476.479.546)	476.479.546	(459.284.546)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	3.669.479.519	-	4.475.690.643	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.378.460.077	(355.767.595)	4.221.422.224	(355.767.595)
<b>Cộng</b>	<b><u>58.331.391.576</u></b>	<b><u>(832.247.141)</u></b>	<b><u>24.380.344.061</u></b>	<b><u>(947.924.055)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>4.514.202.058</b>	<b>7.175.460.778</b>
Ký quỹ, ký cược Cty TNHH cho thuê Tài chính quốc tế Việt Nam	3.516.172.000	5.088.430.720
Ký quỹ, ký cược Cty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu	680.480.000	680.480.000
Ký quỹ, ký cược khác	317.550.058	1.406.550.058
<b>Cộng</b>	<b>4.514.202.058</b>	<b>7.175.460.778</b>

**7. Nợ xấu**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>		<b>40.361.916.036</b>	<b>1.182.663.048</b>		<b>87.579.347.856</b>	<b>1.715.907.232</b>
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		-	-	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	33.850.000	23.695.000
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>		973.077.060	486.538.529	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	3.302.642.124	1.651.321.062
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>		2.320.415.064	696.124.519	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	136.303.900	40.891.170
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>		37.068.423.912		<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	84.106.551.832	-
<b>Phải thu cho vay</b>		<b>2.636.504.133</b>	<b>629.252.067</b>		<b>5.492.101.347</b>	<b>3.136.070.943</b>
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		-	-	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	4.096.101.347	2.867.270.943
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>		1.258.504.133	629.252.067	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	-	-
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>		-	-	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	896.000.000	268.800.000
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>		1.378.000.000	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	500.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>		<b>832.247.141</b>	-		<b>2.364.153.520</b>	<b>327.229.465</b>
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		-	-	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	442.906.379	310.034.465
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>		-	-	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	-	-
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>		-	-	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	37.316.667	17.195.000
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>		832.247.141	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	1.863.930.474	-
<b>Cộng</b>		<b>43.830.667.310</b>	<b>1.811.915.115</b>		<b>95.435.602.723</b>	<b>5.179.207.640</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<b>Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn</b>	<b>Nợ phải thu và cho vay dài hạn</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	<b>89.167.395.083</b>	<b>1.089.000.000</b>	<b>90.256.395.083</b>
Trích lập dự phòng bổ sung	25.788.684	-	25.788.684
Xóa nợ	(2.096.328.217)	-	(2.096.328.217)
Hoàn nhập dự phòng	(45.078.103.355)		(45.078.103.355)
Xóa dự phòng do chuyển nhượng		(1.089.000.000)	(1.089.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>42.018.752.195</b>	<b>-</b>	<b>42.018.752.195</b>

### 8. Hàng tồn kho

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	638.847.142	-
Nguyên liệu, vật liệu	107.763.210.232	-	104.809.626.291	-
Công cụ, dụng cụ	3.217.955.882	-	8.195.859.517	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	661.761.716.623	-	448.918.854.648	-
Thành phẩm	156.477.792.603	(13.310.329.735)	287.763.413.487	(13.310.329.735)
Hàng hóa	66.000.000	-	-	-
Hàng gửi đi bán	55.756.755.442	-	36.802.630.810	-
<b>Cộng</b>	<b>985.043.430.782</b>	<b>(13.310.329.735)</b>	<b>887.129.231.895</b>	<b>(13.310.329.735)</b>

Hàng tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 41.175.956.671 VND (số đầu năm là 110.526.335.129 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>13.310.329.735</b>	<b>268.405.509</b>
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	-	130.184.376
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.310.329.735</b>	<b>398.589.885</b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền thuê đất	2.886.119.166	3.398.440.081
Công cụ dụng cụ	892.537.605	1.228.252.862
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.103.930.779	5.219.024.175
<b>Cộng</b>	<b>5.882.587.550</b>	<b>9.845.717.118</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	61.565.094.032	62.898.275.619
Công cụ dụng cụ	658.290.942	1.762.703.245
Chi phí sửa chữa	1.446.342.399	3.647.602.710
Các chi phí trả trước dài hạn khác	477.796.500	874.356.149
<b>Cộng</b>	<b>64.147.523.873</b>	<b>69.182.937.723</b>

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	306.864.074.041	569.053.744.703	62.827.860.387	11.129.874.961	36.939.611.081	986.815.165.173
Mua trong kỳ	101.814.473	22.401.173.443	998.197.225	83.600.000	-	23.584.785.141
Đầu tư XD/CB hoàn thành	869.942.026	12.699.144.844	3.521.706.092	-	-	17.090.792.962
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	44.004.694.155	3.964.734.546	-	-	47.969.428.701
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.098.149.006)	(236.626.273)	-	-	(4.334.775.279)
Giảm khác				(63.930.740)		(63.930.740)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>307.835.830.540</b>	<b>644.060.608.139</b>	<b>71.075.871.977</b>	<b>11.149.544.221</b>	<b>36.939.611.081</b>	<b>1.071.061.465.958</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	221.817.830.541	317.225.384.150	40.942.624.037	8.580.545.147	161.475.239	588.727.859.114
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	251.842.250.514	471.794.273.619	49.840.797.011	9.131.900.672	6.920.961.972	789.530.183.788
Khấu hao trong kỳ	7.951.335.238	32.521.477.977	5.024.773.054	356.084.053	3.241.428.294	49.095.098.616
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	21.267.568.349	-	-	-	21.267.568.349
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.932.110.674)	(230.760.366)	-	-	(4.162.871.040)
Giảm khác				(63.930.740)		(63.930.740)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>259.793.585.752</b>	<b>521.651.209.271</b>	<b>54.634.809.699</b>	<b>9.424.053.985</b>	<b>10.162.390.266</b>	<b>855.666.048.973</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	55.021.823.527	97.259.471.084	12.987.063.376	1.997.974.289	30.018.649.109	197.284.981.385
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.042.244.788</b>	<b>122.409.398.868</b>	<b>16.441.062.278</b>	<b>1.725.490.236</b>	<b>26.777.220.815</b>	<b>215.395.416.985</b>

## 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	102.721.712.124	5.644.734.546	108.366.446.670
Thuê tài chính trong kỳ	1.127.798.500	-	1.127.798.500
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(44.004.694.155)	(3.964.734.546)	(47.969.428.701)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>59.844.816.469</b>	<b>1.680.000.000</b>	<b>61.524.816.469</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	27.987.844.784	2.337.467.384	30.325.312.168
Khấu hao trong kỳ	9.710.824.646	601.902.974	10.312.727.620
Mua lại tài sản cố định thuê tài	(21.267.568.349)	(1.912.703.682)	(23.180.272.031)

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
chính			
Số cuối kỳ	16.431.101.081	1.026.666.676	17.457.767.757
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	74.733.867.340	3.307.267.162	78.041.134.502
Số cuối kỳ	43.413.715.388	653.333.324	44.067.048.712

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	250.141.912.352	361.998.100	250.503.910.452
Đầu tư XDCB hoàn thành	56.553.958.000	-	56.553.958.000
Số cuối kỳ	306.695.870.352	361.998.100	307.057.868.452
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	361.998.100	361.998.100
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	6.876.365.956	361.998.100	7.238.364.056
Khấu hao trong kỳ	1.967.533.562	-	1.967.533.562
Số cuối kỳ	8.843.899.518	361.998.100	9.205.897.618
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	243.265.546.396	-	243.265.546.396
Số cuối kỳ	297.851.970.834	-	297.851.970.834

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 187.342.318.617 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	3.490.434.580	-	-	3.490.434.580
Xây dựng cơ bản dở dang	66.176.144.368	22.977.974.730	(73.644.750.962)	(1.933.953.526)	13.575.414.610
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	56.667.039.622	9.053.224.368	(56.527.241.636)	(110.108.000)	9.082.914.354
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.937.919.152	3.980.816.636	(1.482.008.950)	(1.792.408.400)	3.644.318.438
Nhà máy chế biến thức ăn	268.099.499	7.501.594.634	(7.769.694.133)	-	-
Các hạng mục khác	6.301.998.969	2.411.989.092	(7.865.806.243)	-	848.181.818
Cộng	66.176.144.368	26.468.409.310	(73.644.750.962)	(1.933.953.526)	17.065.849.190

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	534.750.000	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(39.750.000)	1.473.750.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>495.000.000</b>	<b>1.473.750.000</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15%.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>7.392.200.665</b>	<b>9.728.665.078</b>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	7.391.426.707	9.728.665.078
Công ty cổ phần Rau quả Nông Trại Xanh	773.958	-
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>99.156.928.198</b>	<b>90.044.445.541</b>
Các nhà cung cấp nước ngoài	4.433.806.687	16.888.300.340
Các nhà cung cấp trong nước	94.723.121.511	73.156.145.201
<b>Cộng</b>	<b>106.549.128.863</b>	<b>99.773.110.619</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>		
Các khách hàng nước ngoài	49.695.007.333	11.403.812.097
Các khách hàng trong nước	1.108.036.404	4.759.733.613
<b>Cộng</b>	<b>50.803.043.737</b>	<b>16.163.545.710</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	895.625.683	6.190.600.559	(6.003.174.087)	1.083.052.155
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	30.956.876	(30.956.876)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	74.857.775	(74.857.775)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.109.747.856	38.719.293.161	(22.501.580.859)	39.327.460.158
Thuế thu nhập cá nhân	172.391.442	8.493.314.751	(8.449.072.393)	216.633.800
Thuế tài nguyên	1.000.800	71.941.120	(72.941.920)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>24.178.765.781</b>	<b>53.589.964.242</b>	<b>(37.141.583.910)</b>	<b>40.627.146.113</b>

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	39.327.460.158	14.015.313.597
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước	(608.166.997)	12.597.394
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>38.719.293.161</b>	<b>14.027.910.991</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Thuế tài nguyên**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 - 5.000 VND/m<sup>3</sup> x 8%.

### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### **Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## **18. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

## **19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí lãi vay	6.704.795.546	810.401.959
Chi phí cước tàu	4.237.871.500	4.026.122.100

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng môi giới	2.111.788.923	2.047.518.157
Chi phí kiểm nghiệm	-	282.010.909
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	664.909.295	209.412.045
<b>Cộng</b>	<b><u>13.719.365.264</u></b>	<b><u>7.375.465.170</u></b>

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	<i>11.538.593.903</i>	<i>8.979.495.672</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.025.223.875	21.139.970
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.159.832.800	324.611.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.439.386.760	1.662.876.087
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.658.687.100	1.507.016.700
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.255.463.368	5.463.851.415
<b>Cộng</b>	<b><u>11.538.593.903</u></b>	<b><u>8.979.495.672</u></b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>229.940.736.000</i>	<i>-</i>
Vay Ông Doãn Tới <sup>(a)</sup>	229.940.736.000	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.133.200.698.552</i>	<i>1.025.231.967.157</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.125.231.461.049	993.333.002.235
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	335.050.844.057	370.614.618.764
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(c)</sup>	223.342.452.322	149.853.202.599
Vay Ngân hàng United Overseas Bank <sup>(d)</sup>	40.419.551.200	39.645.830.300
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam <sup>(e)</sup>	374.767.783.270	433.219.350.572
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(f)</sup>	130.465.454.105	-
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam <sup>(g)</sup>	21.185.376.095	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	14.625.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.969.237.503	17.273.964.922
<b>Cộng</b>	<b><u>1.363.141.434.552</u></b>	<b><u>1.025.231.967.157</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty.
- (d) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	993.333.002.235	2.375.433.711.773	-	(2.243.535.252.959)	1.125.231.461.049
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	391.738.736.000	-	(161.798.000.000)	229.940.736.000
Vay dài hạn đến hạn trả	14.625.000.000	-	-	(14.625.000.000)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	17.273.964.922	-	7.223.495.092	(16.528.222.511)	7.969.237.503
<b>Cộng</b>	<b>1.025.231.967.157</b>	<b>2.767.172.447.773</b>	<b>7.223.495.092</b>	<b>(2.436.486.475.470)</b>	<b>1.363.141.434.552</b>

### 21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả bên liên quan</i>	-	37.248.000.000
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	37.248.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	14.751.238.082	38.830.060.525
Vay dài hạn ngân hàng	-	14.625.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	-	14.625.000.000
Nợ thuê tài chính	14.751.238.082	24.205.060.525
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị	4.615.937.485	6.121.608.330
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	10.135.300.597	18.083.452.195
<b>Cộng</b>	<b>14.751.238.082</b>	<b>76.078.060.525</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
<b>Số cuối kỳ</b>				
Nợ thuê tài chính	22.720.475.585	7.969.237.503	14.751.238.082	-
<b>Cộng</b>	<b>22.720.475.585</b>	<b>7.969.237.503</b>	<b>14.751.238.082</b>	<b>-</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	29.250.000.000	14.625.000.000	14.625.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	37.248.000.000	-	37.248.000.000	-
Nợ thuê tài chính	41.479.025.447	17.273.964.922	24.205.060.525	-
<b>Cộng</b>	<b>107.977.025.447</b>	<b>31.898.964.922</b>	<b>76.078.060.525</b>	<b>-</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	14.625.000.000	-	-	(14.625.000.000)	-	-
Vay dài hạn tổ chức khác	37.248.000.000	-	-	(37.248.000.000)	-	-
Nợ thuê tài chính	24.205.060.525	-	-	(2.230.327.351)	(7.223.495.092)	14.751.238.082
<b>Cộng</b>	<b>76.078.060.525</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(54.103.327.351)</b>	<b>(7.223.495.092)</b>	<b>14.751.238.082</b>

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	118.634.160	300.000.000	(250.000.000)	168.634.160
Quỹ phúc lợi	472.345.145	-	(69.000.000)	403.345.145
<b>Cộng</b>	<b>590.979.305</b>	<b>300.000.000</b>	<b>(319.000.000)</b>	<b>571.979.305</b>

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### 23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	619.050.000.000	569.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.000.000.000	171.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	170.999.990.000	170.999.990.000
Các cổ đông khác	285.448.760.000	335.448.760.000
Cổ phiếu quỹ	3.947.500.000	3.947.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.250.446.250.000</b>	<b>1.250.446.250.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.044.625	125.044.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.044.625	125.044.625
- Cổ phiếu phổ thông	125.044.625	125.044.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.649.875	124.649.875
- Cổ phiếu phổ thông	124.649.875	124.649.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 24a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.234.822,32	220.726,88
Euro (EUR)	2.438,85	2.342,33

#### 24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	7.700.521	145.592.586.927	8.514.932	162.835.282.607
Khách hàng trong nước	-	19.369.736.628	-	19.369.736.628
<b>Cộng</b>		<b><u>164.962.323.555</u></b>		<b><u>182.205.019.235</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý III năm nay</u>	<u>Quý III năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	40.530.946.460
Doanh thu bán thành phẩm	1.050.879.829.974	694.554.500.579
Doanh thu bán nguyên liệu	203.040.000	148.193.000
Doanh thu khác	2.297.860.639	5.173.946.603
<b>Cộng</b>	<b><u>1.053.380.730.613</u></b>	<b><u>740.407.586.642</u></b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý III năm nay</u>	<u>Quý III năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	-	142.945.000
Hàng bán bị trả lại	1.179.735.219	2.027.399.265
Giảm giá hàng bán	750.705.500	724.361.784



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý III năm nay</u>	<u>Quý III năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.930.440.719</u></b>	<b><u>2.894.706.049</u></b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b><u>Quý III năm nay</u></b>	<b><u>Quý III năm trước</u></b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	37.627.968.220
Giá vốn của thành phẩm đã bán	879.966.444.136	608.987.916.594
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	162.432.000	148.193.000
Giá vốn khác	2.957.693.643	216.566.595
<b>Cộng</b>	<b><u>883.086.569.779</u></b>	<b><u>646.980.644.409</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b><u>Quý III năm nay</u></b>	<b><u>Quý III năm trước</u></b>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.894.128.628	631.966.983
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.075.596	23.422.030
Lãi tiền cho vay	53.833.389	132.493.646
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.052.857.010	1.035.381.875
Lãi bán hàng trả chậm	1.730.379.946	-
<b>Cộng</b>	<b><u>22.740.274.569</u></b>	<b><u>1.823.264.534</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b><u>Quý III năm nay</u></b>	<b><u>Quý III năm trước</u></b>
Chi phí lãi vay	11.338.280.607	12.407.783.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.825.787.155	214.576.724
Chi phí tài chính khác	559.491.707	-
<b>Cộng</b>	<b><u>20.723.559.469</u></b>	<b><u>12.622.360.601</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>	<b><u>Quý III năm nay</u></b>	<b><u>Quý III năm trước</u></b>
Chi phí cho nhân viên	1.328.534.707	2.011.614.584
Chi phí vật liệu, bao bì	144.398	14.143.580
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.477.273	11.722.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	13.419.642
Chi phí hoa hồng	3.460.754.929	6.018.374.784
Chi phí bốc hàng, Chi phí vận chuyển	16.887.159.272	17.182.216.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.416.814.856	5.072.778.602
Các chi phí khác	1.164.231.132	504.295.792
<b>Cộng</b>	<b><u>30.272.116.567</u></b>	<b><u>30.828.566.066</u></b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b><u>Quý III năm nay</u></b>	<b><u>Quý III năm trước</u></b>
Chi phí cho nhân viên	3.843.686.397	3.715.490.360
Chi phí vật liệu quản lý	312.768.220	252.223.560
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.372.916	160.929.266
Chi phí khấu hao TSCĐ	309.776.109	340.797.252
Thuế, phí và lệ phí	1.371.788.712	608.779.829

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Quý III năm nay</u>	<u>Quý III năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	684.026.779	479.174.279
Dự phòng /(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(3.544.029.450)
Chi phí bằng tiền khác	1.507.540.810	1.730.624.239
<b>Cộng</b>	<b>8.153.959.943</b>	<b>3.743.989.335</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Quý III năm nay</u>	<u>Quý III năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	164.537.878	133.857.292
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	15.000.000	
Thu nhập khác	71.743.805	48.075.903
<b>Cộng</b>	<b>251.281.683</b>	<b>181.933.195</b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<u>Quý III năm nay</u>	<u>Quý III năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	20.501.250
Phạt vi phạm hợp đồng	1.024.109.034	7.366.950.000
Chi phí khác	26.927.203	(15.911.024)
<b>Cộng</b>	<b>1.051.036.237</b>	<b>7.371.540.226</b>
<b>10. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>		
	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	303.397.275.296	85.715.129.098
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(300.000.000)	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	303.097.275.296	85.715.129.098
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	124.649.875	72.165.764
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.432</b>	<b>1.188</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
-Ông Doãn Tới		
Tập đoàn đi vay	391.738.736.000	-
Tập đoàn chia cổ tức	68.286.000.000	26.955.000.000
-Ông Doãn Chí Thanh		
Tạm ứng	-	226.413.930
Tập đoàn chia cổ tức	20.520.000.000	8.100.000.000
-Ông Đỗ Lập Nghiệp		
Tạm ứng	50.000.000	50.000.000
-Ông Doãn Chí Thiên		
Tập đoàn chia cổ tức	20.519.998.800	8.100.000.000
-Ông Trần Minh Cảnh		
Tạm ứng	-	100.000.000

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng United Overseas Bank.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

## 1b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH TMDV Navifeed	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

## **Công ty TNHH Đại Tây Dương**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền điện, thuê kho	49.923.123.544	34.088.932.208
Mua vật tư, công cụ	60.501.373	137.915.044
Bán vật tư, công cụ	13.043.957	24.290.806
Cho vay	-	6.850.000.000
Lãi cho vay	-	334.766.445
Mua tài sản	-	2.660.940.000



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## Công ty TNHH TMDV NaviFeed

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi bán hàng trả chậm	3.380.435.702	-
Bán thành phẩm, vật tư	284.544.532.735	-
Doanh thu khác	182.700.411	1.818.182

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý III năm nay	Quý III năm trước
Xuất khẩu	817.871.944.105	469.501.192.738
Trong nước	233.578.345.789	268.011.687.855
<b>Cộng</b>	<b>1.051.450.289.894</b>	<b>737.512.880.593</b>

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản.

An Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2018

  
**Nguyễn Trọng Hữu**  
Người lập biểu

  
**Lê Tiến Dũng**  
Kế toán trưởng

  
  
**Nguyễn Duy Nhứt**  
Phó Tổng Giám Đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

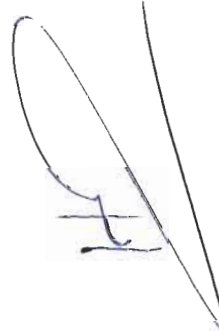
Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND	
								Cộng
Số dư đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	-	(27,417,629,848)	69,992,175,173	(5,532,296,095)		1,309,007,708,330
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	85,715,129,098	1,296,515,963		87,011,645,061
Tăng vốn	590,446,250,000 #	(590,446,250,000)	-	-	-	-		-
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-		-
Điều chuyển vốn về lợi nhuận	-	-	-	-	-	-		-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-		-
<b>Số dư cuối kỳ này năm trước</b>	<b>1,250,446,250,000</b>	<b>21,519,209,100</b>	-	<b>(27,417,629,848)</b>	<b>96,662,579,271</b>	<b>(4,235,780,132)</b>		<b>(59,044,725,000)</b>
Số dư đầu năm nay	1,250,446,250,000	21,519,209,100	-	(27,417,629,848)	153,314,011,705	(3,899,685,660)		1,393,962,155,297
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	303,397,275,296	3,899,685,660		307,296,960,956
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-		-
Trích các quỹ	-	-	-	-	(300,000,000)	-		(300,000,000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(149,579,850,000)	-		(149,579,850,000)
<b>Số dư cuối kỳ này năm nay</b>	<b>1,250,446,250,000</b>	<b>21,519,209,100</b>	-	<b>(27,417,629,848)</b>	<b>306,831,437,001</b>	-		<b>1,551,379,266,253</b>



**Nguyễn Trọng Hữu**  
Người lập biểu



**Lê Tiến Dũng**  
Kế toán trưởng



TP. Long Xuyên, ngày 16 tháng 10 năm 2018

**Nguyễn Duy Nhứt**  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2853...../CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 16 tháng 10 năm 2018

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận  
hợp nhất quý III/2018 so với cùng kỳ năm trước"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý III/2018: 114 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế quý III/2017: 33 tỷ đồng

Tăng 81 tỷ đồng, tăng 3.45 lần so cùng kỳ.

**Nguyên nhân chủ yếu:**

- Doanh thu thuần Quý III/2018 đạt 1,051 tỷ đồng, tăng 314 tỷ đồng, tăng 42.57% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp Quý III/2018 tăng 77.8 tỷ đồng, tăng 86% so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu do giá bán tăng.

- Quý III/2018, Doanh thu tài chính đạt 22.7 tỷ đồng, tăng 12.47 lần so với cùng kỳ.

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

-Như trên

-Ban TGD

- Lưu VT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Duy Nhật*